

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS - PT
Ngày: 22-01-2024
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Bùi Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị N, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Ông Lương Ngọc U (tên gọi khác là Lương Đức U), sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lương Thị N1 (tên gọi khác là Lương Thị N2), Sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Bà N1 ủy quyền cho bà Lương Thị N tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024).

2. Bà Lương Thị H, Sinh năm 1977, Nơi cư trú: Ấp 6, xã M, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Lương Ngọc K, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Bà Phan Thị P, sinh năm 1963, Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (vợ ông U).

5. Anh Lương Ngọc U1, sinh năm 1993, Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (con trai ông U)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lương Ngọc U

Tại phiên tòa: bà N; ông U; bà H; anh U1 có mặt. Ông K; bà P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lương Thị N trình bày: Cụ Lương Ngọc B, sinh năm 1937; đã chết năm 2017 và cụ Lê Thị C, sinh năm 1940, đã chết năm 2005 là vợ chồng và sinh được 05 người con gồm: ông Lương Ngọc U; ông Lương Ngọc K; bà Lương Thị N; bà Lương Thị H; bà Lương Thị N1 (tức Lương Thị N2). Ngoài ra, bố mẹ bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Năm 1979, bố mẹ bà có xin chính quyền xã Chính Nghĩa (nay là thị trấn Cổ Lễ) và được cấp 432 m² đất ở mặt đường Thống Nhất cũ nay là đường tỉnh lộ 487, thuộc Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Phía Đông giáp hộ ông Thu, phía Tây giáp nhà ông Bôi, phía Nam giáp nhà ông Ngay, phía Bắc giáp mặt đường tỉnh lộ 487. Sau đó bố mẹ bà có bán cho con trai Lương Ngọc K một phần diện tích là 135m². Năm 1985, do nhà ở chật hẹp nên bố mẹ bà đồng ý để ông U ra ở tạm tại ngôi nhà cấp 4 do bố mẹ bà đã xây dựng trên diện tích đất còn lại, do cho ở nhờ nên bố mẹ bà chỉ thông báo với chính quyền chứ không làm thủ tục tặng cho hay chuyển nhượng.

Năm 2005, cụ Lê Thị C chết không để lại di chúc. Năm 2015, do tuổi cao nên cụ B đã viết di chúc cho các con với nội dung là để cho ông U 6m đất mặt đường, chạy dọc 27m và để cho 03 người con gái diện tích đất còn lại là 5m đất mặt đường, chạy dọc 27m. Đến năm 2017 cụ B chết, sau khi giỗ bỏ khăn áo cho cụ B xong thì bà cùng anh chị em trong gia đình có đề nghị ông U thực hiện di chúc của cụ B để lại nhưng ông U không thực hiện. Bà khẳng định chữ viết trong bản di chúc ngày 01-07-2015 là của cụ Lương Ngọc B. Bà xác định nguyên nhân gốc đất nêu trên là của bố mẹ bà vượt lập từ năm 1979. Bà đề nghị Toà án chia di sản thừa kế đối với diện tích 325m² trong đó 140m² đất ở, 185m² đất ao tại thửa 84, tờ bản đồ số 15 thuộc thị trấn Cổ Lễ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 12-7-1994 mang tên ông Lương Ngọc U theo di chúc của cụ Lương Ngọc B để lại. Bà cùng bà Lương Thị N2, bà Lương Thị H xin nhận phần di sản thừa kế theo di chúc của cụ Lương Ngọc B và phần thừa kế theo quy định pháp luật. Đối diện tích 135m² mà cụ B đã bán cho ông K để chữa bệnh cho cụ C thì bà và các em gái không có yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại tòa án bị đơn là ông Lương Ngọc U trình bày: Ông xác nhận về quan hệ huyết thống như bà N trình bày là đúng. Năm 1979, cụ Lương Ngọc B và cụ Lê Thị C có xin chính quyền xã Chính

Nghĩa (nay là thị trấn Cổ Lễ) và được cấp 460m² diện tích đất ở mặt đường Thống Nhất cũ nay là đường tỉnh lộ 487, thuộc TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Phía Đông giáp hộ ông Thu, phía Tây giáp nhà ông Bôi, phía Nam giáp nhà ông Ngay, phía Bắc giáp mặt đường tỉnh lộ 487. Năm 2005 mẹ ông là cụ Lê Thị C chết không để lại di chúc.

Ông xác nhận nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của bố mẹ ông được chính quyền cấp để vượt lập nhưng bố mẹ không ở. Khi ông lập gia đình thì bố mẹ cho phép ông ra diện tích đất nêu trên ở và sử dụng. Khoảng thời gian năm 1992 - 1993, nhà nước có chính sách đo đạc đất cấp GCNQSDĐ, ông đã hỏi cụ Lương Ngọc B về diện tích đất này sẽ đứng tên ai thì cụ B có nói là để ông đứng tên vì tiền đóng thuế rất nhiều, cụ B không có tiền đóng. Chính vì thế mà ông đã được cấp GCNQSDĐ. Gia đình ông đã đóng tiền thuế liên tục từ năm 1985 cho đến nay.

Năm 1987 gia đình ông đã xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng, sau này có xây dựng thêm và sửa chữa phần diện tích mặt sàn khoảng 30m² và xây công trình phụ, bếp là 15m² cùng 01 căn nhà 1 tầng mái tôn, còn lại là đất ao gia đình ông đã vượt lập thành đất vườn. Đối với 135m² mà ông đã cho ông K thì ông không có yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không đồng ý bởi các lý do: Đối với bản di chúc mà bà N giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ khởi kiện thì ông xác nhận chữ viết, chữ ký là của cụ Lương Ngọc B. Tuy nhiên, bản di chúc này ông B bị ông K, bà N, bà H, bà N1 ép viết. Bản thân ông là con trưởng trong gia đình nhưng lại không có chữ ký trong bản di chúc này. Theo ông hai chữ ký “Lương Ngọc K” và “Lương Thị N1” là cùng một người viết nhưng ông không xác định được ai viết. Do vậy, bản di chúc này là không hợp pháp, ngoài ra ông cũng đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ từ năm 1994.

Ông đã thông báo cho các con Lương Thị H, Lương Thị N, Lương Ngọc N1 được biết về việc bà N khởi kiện. Ông khẳng định chị H; chị N và anh N1 không đóng góp gì trong việc xây dựng, cải tạo đối với phần nhà đất mà gia đình ông đang sử dụng nên chị H; chị N; anh N1 không liên quan gì đến vụ án này nên đề nghị Tòa án không triệu tập. Phần đất hiện tại đang có tranh chấp thì chỉ con trai là Lương Ngọc U1 có đóng góp xây nhà mái tôn và anh U1 đang sử dụng buôn bán.

Ông xác nhận đã được Tòa án thông báo kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản. Ông đồng ý với kết quả đo đạc hiện trạng phần diện tích đất mà gia đình ông đang sử dụng. Về kết quả định giá thì ông không đồng ý vì tài sản là của gia đình ông mà không có mua bán gì. Do vậy ông không ký vào biên bản định giá.

Quá trình tố tụng tại tòa án, bà Lương Thị H trình bày: Bà đồng ý với quan điểm của bà N đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bà xác định bố bà là cụ B có viết bản di chúc này và bà có ký tên trong bản di chúc. Bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo bản di chúc mà bà N đã cung cấp. Trường hợp bà được Tòa án chia đất, bà xin nhận phần diện tích đất

mà bà được hưởng. Bà đã được Toà án thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản, bà đồng ý với kết quả xem xét thẩm định, kết quả định giá. Bà không có ý K nào khác.

Quá trình tố tụng tại tòa án, anh Lương Ngọc U1 trình bày: Anh đồng ý với quan điểm của ông Lương Ngọc U và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Anh xác định bản di chúc bà N cung cấp cho Toà án có thể do ông nội anh viết nhưng bản di chúc này không hợp pháp vì không có mặt bố mẹ anh. Diện tích đất gia đình anh đang sử dụng đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ từ năm 1994 đến nay mang tên ông Lương Ngọc U, không phải đất của ông nội anh để lại. Anh đã được Toà án thông báo kết quả xem xét thẩm định, định giá tài sản. Anh đồng ý với kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng. Về kết quả định giá thì anh không đồng ý vì tài sản là của gia đình anh không mua bán gì. Do vậy anh không ký vào biên bản định giá.

Quá trình tố tụng tại tòa án, ông Lương Ngọc K trình bày: Bố mẹ đẻ ông là cụ Lương Ngọc B và cụ Lê Thị C đều đã mất. Bố mẹ ông có 5 người con như bà N đã trình bày. Cụ B có diện tích đất 432m²; mặt đường 16 m, chiều sâu 27m, trên trục đường TL487 thuộc TDP Tây kênh thị trấn Cổ Lễ. Năm 2015 cụ B đã chuyển nhượng cho ông K 135m² có mặt đường 5m và chiều sâu 27m. Phần còn lại, ông U đã tự ý làm GCNQSDĐ mang tên ông U nên đã làm thủ tục tách và chuyển sổ đất cho ông theo ý K của cụ B, ông không mua bán chuyển nhượng hay nhận tặng cho từ ông U. Số tiền cụ B nhận từ vợ chồng ông để tu sửa nhà cũ trong ngõ, hiện nay là nơi thờ cúng. Đồng thời cụ B có để lại di chúc với số đất còn lại là 297m² sẽ cho anh U tổng là 162m² (6m mặt đường; có chiều sâu 27m). Phần còn lại bằng 135m² (5m x 27m) sẽ cho các con gái là Lương Thị N, Lương Thị N2 và Lương Thị H. Bản thân ông cũng không có tên được chia trong di chúc và cũng không yêu cầu được chia phần thừa kế của cụ B. Nếu được chia, ông xin từ chối nhận phần di sản thừa kế của bố mẹ ông. Đến nay, quan điểm của ông là cụ B cho ai thì người đó được hưởng vì có bản chúc hợp pháp, ông chỉ mong anh chị em đoàn kết và tôn trọng những ý K của cụ B cũng như di chúc cụ B để lại.

Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cổ Lễ. Kết quả xác minh thấy: Tại bản đồ địa chính 299, lập năm 1986 thì diện tích đất đang tranh chấp thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 3, diện tích 360m² (không ghi loại đất) mang tên cụ Lương Ngọc B.

Tờ bản đồ địa chính lập năm 1992 thì diện tích đất đang tranh chấp mang tên ông Lương Ngọc U và ngày 12-07-1994 đã được cấp GCNQSDĐ với tổng diện tích 460m² (gồm 200m² đất ở, 260m² đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15. Đến ngày 09-04-2013, ông Lương Ngọc U làm thủ tục tách ra làm 02 thửa gồm: 01 thửa ông U chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc K diện tích 135m² gồm 60m² đất ở, 75m² đất nuôi trồng thủy sản. Diện tích ông U còn lại là 325m² gồm 140m² đất ở, 185m² đất nuôi trồng thủy sản

Quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không thống nhất được với nhau nên Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá. Kết quả đo đạc, xem xét thẩm

định tại chỗ, định giá tài sản cụ thể như sau:

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích đo đạc hiện trạng thửa đất số 84 là 322,5m² trong đó 140m² đất ở, 182,5m² đất ao đã san lấp thành vườn. Theo hiện trạng diện tích thửa đất số 84 thiếu 2,5m² so với diện tích đất cấp trong GCNQSDĐ là do sai lệch về đo đạc nhưng không đáng kể nên không xem xét.

- Về tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 ngôi nhà mái lợp tôn xộp (3 bức tường) diện tích 76,1m²; 01 nhà hai tầng, diện tích 34,9m²; phần nhà lợp tôn 1 mái phía sau nhà 2 tầng diện tích 33,9m²; nhà vệ sinh và nhà tắm, bếp; lán tôn.

Kết quả định giá tài sản: Giá trị thửa đất 84 là: 2.775.000.000 đồng. Trong đó 12.000.000đồng/01m² đất ở, 6.000.000 đồng/01m² đất vườn, đất ao đã san lấp.

- Tổng giá trị các tài sản gắn liền với thửa đất 84 là 269.641.500 đồng gồm: Nhà mái tôn: 75.228.500 đồng; Nhà 2 tầng và phần nhà mái tôn phía sau: 165.747.000 đồng; Lán tôn: 7.579.000 đồng; Lán Fibro ximăng: 3.087.000 đồng; Lán tôn: 7.579.000 đồng; Nhà tắm + vệ sinh + bếp: 18.000.000 đồng.

- Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là : 3.004.641.500 đồng.

* Từ nội dung vụ án nêu trên. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 13-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định quyết định:

Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 BLDS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Lương Thị N đối với di sản của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B để lại là quyền sử dụng đất tại thửa số 84, tờ bản đồ số 15, diện tích 322,5 m² tại thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Về phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B.

Giao cho ông Lương Ngọc U có quyền sử dụng diện tích đất là 138,2 m² (cạnh phía Đông giáp đường rộng 4,8m chạy dọc thửa đất). Gồm 60,3m² đất ở, 77,9m² đất vườn và tài sản trên đất gồm ngôi nhà 02 tầng diện tích mặt sàn 34,9m², phần nhà lợp tôn 1 mái phía sau nhà 2 tầng diện tích 33,9m² cùng bếp, công trình phụ tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15 tại TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Vị trí tứ cận cụ thể gồm: Phía Đông giáp đường; Phía Nam giáp hộ ông Thực; Phía Tây giáp hộ ông Chấn, hộ ông Ngay; Phía Bắc giáp phần đất của bà N, bà H, bà N1.

Giao cho bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H sử dụng diện tích đất là 184,3m² (cạnh phía Đông giáp mặt đường dài 6,5m). Trong đó 79,7m² đất ở, 104,6m² đất vườn. Tài sản trên đất gồm 01 nhà 1 tầng mái tôn (ba bức tường giáp nhà ông U), diện tích 76,1m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15 tại

TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Vị trí tứ cận cụ thể gồm: Phía Đông giáp đường; Phía Nam giáp hộ ông U; Phía Tây giáp hộ ông Ngay; Phía Bắc giáp thửa đất 392 (Có sơ đồ kèm theo).

Bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H có trách nhiệm trả cho anh Lương Ngọc U1 số tiền là 79.588.500 đồng.

Ông Lương Ngọc U có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H số tiền chênh lệch kỷ phần là 5.710.000 đồng.

Ông Lương Ngọc U, bà Lương Thị N, bà Lương Thị H và bà Lương Thị N1 có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy CNQSD đất theo diện tích đất mà mình được giao.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lương Ngọc U1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lương Ngọc U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Lương Thị N, bà Lương Thị H, bà Lương Thị N1 phải nộp 59.691.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 5.000.000 đồng bà N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số 0002170 ngày 29-11-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Bà Lương Thị N, bà Lương Thị H, bà Lương Thị N1 còn phải nộp 54.691.000 đồng.

Ông Lương Ngọc U phải nộp 47.558.000 đồng (đã làm tròn).

Lệ phí thẩm định, định giá tài sản: Bà N phải nộp 10.000.000 đồng (đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

* Ngày 14-9-2023 ông Lương Ngọc U, là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 13-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lương Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 13-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Về bản di chúc của cụ B để lại do cụ B bị các em của ông ép viết. Việc lập di chúc, bản thân ông là con

trường mà không được biết và không được ký xác nhận trong di chúc. Do vậy, bản di chúc này là không hợp pháp. Thực tế toàn bộ diện tích đất này là bố mẹ đã cho vợ chồng ông làm nhà, sinh sống và vợ chồng ông đã được địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy ông đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị N. Giữ nguyên hiện trạng thửa đất như hiện nay.

Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét đơn kháng cáo của ông Lương Ngọc U; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo và quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Xác định nguyên nhân gốc và quá trình hình thành đối với tài sản của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B là toàn bộ diện tích đất để chia thừa kế như được giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm là có căn cứ pháp lý. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông Lương Ngọc U về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị N là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử phúc thẩm, ông U là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận. Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308; 309 Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định về án phí, tuyên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lương Ngọc U.

Ông Lương Ngọc U không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Lương Ngọc U làm trong thời hạn luật định và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết. Tại phiên tòa, ông Lương Ngọc U có nộp đơn xin miễn toàn bộ án phí và được chính quyền địa phương xác nhận nên cũng được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn; bị đơn trong vụ án cùng có địa chỉ thường trú tại huyện Trực Ninh, tài sản tranh chấp là thửa đất thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15 tại TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ Điều 39 BLTTDS thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân

huyện Trục Ninh là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xác định quan hệ tranh chấp và người tham gia tố tụng: Cụ Lương Ngọc B và cụ Lê Thị C là vợ chồng, các cụ sinh được 05 người con là ông Lương Ngọc U; ông Lương Ngọc K; bà Lương Thị N; bà Lương Thị H; bà Lương Thị N1 (tức Lương Thị N2). Ngoài ra, các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Năm 2005 cụ Lê Thị C chết; năm 2017 cụ Lương Ngọc B chết. Khi chết cụ C không để lại di chúc; cụ B trước khi chết có để lại di chúc với nội dung là để cho ông U 6m đất mặt đường, chạy dọc 27m và 03 người con gái diện tích đất còn lại là 5m đất mặt đường, chạy dọc 27m. Do các đương sự không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau nên bà U có đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tại thửa 84, tờ bản đồ số 15, diện tích 325m² trong đó 140m² đất ở, 185m² đất ao tại thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên ông Lương Ngọc U ngày 12-7-1994, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp chia di sản thừa kế là đúng quy định pháp luật.

Việc ông U xác định các con là chị Lương Thị H, chị Lương Thị N, anh Lương Ngọc N1 không đóng góp gì trong việc xây dựng, cải tạo nhà đất mà gia đình ông đang sử dụng và đang có tranh chấp nên chị H, chị N, anh N1 không liên quan đến vụ án này, đề nghị Tòa án không triệu tập nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập chị H, chị N, anh N1 là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Việc ủy quyền tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của ông Lương Ngọc U về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị N, Hội đồng xét xử nhận định:

4.1. Về xác định di sản thừa kế của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B.

Căn cứ biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 27-7-2023 tại bản đồ địa chính 299, lập năm 1986 thì diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 1192, tờ bản đồ số 3, diện tích 360m² (không ghi loại đất) mang tên cụ Lương Ngọc B. Tại tờ bản đồ địa chính lập năm 1992 thì diện tích đất đang tranh chấp mang tên ông Lương Ngọc U và ông U đã được cấp Giấy CNQSD đất ngày 12-07-1994, diện tích 460m² gồm 200m² đất ở, 260m² đất nuôi trồng thủy sản tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15. Đến ngày 09-04-2013, ông Lương Ngọc U làm thủ tục tách ra làm 02 thửa gồm: 01 thửa ông U chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc K là em trai ông U, diện tích 135m² gồm 60m² đất ở, 75m² đất nuôi trồng thủy sản. Diện tích ông U còn lại là 325m² gồm 140m² đất ở, 185m² đất nuôi trồng thủy sản.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì thấy: năm 2015, cụ Lương Ngọc B đã có đơn đề nghị với các cơ quan chức năng của huyện Trục Ninh về việc xem xét lại việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông U. Tại đơn đề nghị, cụ B xác nhận chỉ cho ông U ở tạm chứ không tặng cho hay chuyển nhượng cho ông U, ngày 01-7-2015 cụ B đã viết di chúc và đến 11-02-

2017 cụ B chết. Do đó, việc ông U cho rằng đã được cụ B, cụ C đã cho toàn bộ diện tích đất nêu trên là không có cơ sở.

Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định thừa đất số 84 là di sản thừa kế của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B để lại là có căn cứ.

Cụ C chết năm 2005 không để lại di chúc. Do đó di sản của cụ C sẽ được xem xét giải quyết thừa kế theo pháp luật.

Đối với 135m² đã chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc K, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

4.2. Xét di chúc cụ Lương Ngọc B để lại thì thấy: Về hình thức và nội dung bản di chúc: Di chúc của cụ Lương Ngọc B viết bằng tay có ký tên có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố và xác nhận của chính quyền địa phương. Bản di chúc của cụ B là chia đất cho các con là Lương Ngọc U, bà Lương Thị N, bà Lương Thị H và bà Lương Thị N1 (tức Lương Thị N2). Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-08-2023 đối với ông Lương Đắc K: Ông K xác định ông có ký xác nhận vào bản di chúc của cụ B vào ngày 09-8-2015, lúc đó ông B hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn. Căn cứ vào Điều 630 BLTTDS năm 2015, HĐXX xét thấy di chúc của cụ Lương Ngọc B đã thể hiện đầy đủ ý chí, nguyện vọng của người lập di chúc. Tuy nhiên, do cụ C chết không để lại di chúc nên phần di chúc của cụ B chỉ có hiệu lực một phần. Phần di sản của cụ C sẽ được xem xét giải quyết thừa kế theo pháp luật.

4.3. Về việc chia thừa kế theo di chúc: Những người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của cụ B gồm: Ông Lương Ngọc U, bà Lương Thị N, bà Lương Thị H và bà Lương Thị N1 (tức Lương Thị N2).

Di sản thừa kế của cụ Lương Ngọc B để lại là 1/2 quyền sử dụng chung cùng với vợ là cụ Lê Thị C đối với thửa đất số 84 và 1/10 quyền sử dụng đối với thửa 84 (phần di sản mà cụ B được hưởng từ cụ C). Như vậy, di sản thừa kế của cụ Lương Ngọc B để lại là 3/5 quyền sử dụng đối với thửa đất số 84 tương đương 193,5m² (trị giá 1.665.000.000 đồng).

Căn cứ nội dung di chúc của cụ Lương Ngọc B để lại, căn cứ quy định pháp luật thì cụ B chỉ có quyền định đoạt đối với 3/5 quyền sử dụng đối với thửa đất số 84. Do đó Tòa án sơ thẩm chia cho ông Lương Ngọc U được hưởng di sản thừa kế theo di chúc mà cụ B để lại là 105,5m² (trị giá 907.791.000 đồng) ; bà N, bà H, bà N1 được hưởng 88 m² (trị giá 757.209.000 đồng) là có căn cứ.

[5] Về việc phân chia di sản của cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B:

Tổng di sản thừa kế ông Lương Ngọc U được hưởng từ cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B là 137,75m² (trị giá 1.185.290.000 đồng).

Tổng di sản thừa kế bà Lương Thị N, bà Lương Thị H và bà Lương Thị N1 được hưởng từ cụ Lê Thị C và cụ Lương Ngọc B là 184,75m² (trị giá 1.589.710.000 đồng).

Căn cứ N1 vọng của các đương sự, hiện trạng sử dụng đất và để đảm bảo cho việc thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Lương Ngọc U sử dụng

diện tích đất là 138,2 m² tương đương với giá trị là 1.191.000.000 đồng (cạnh phía Đông giáp đường dài 4,8m chạy dọc thửa đất). Trong đó 60,3m² đất ở, 77,9m² đất vườn. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà 02 tầng diện tích mặt sàn 34,9m², phần nhà lợp tôn 1 mái phía sau nhà 2 tầng diện tích 33,9m² cùng bếp, công trình phụ tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15 tại TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Giao cho bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H sử dụng diện tích đất là 184,3m² tương đương với giá trị là 1.584.000.000 đồng (cạnh phía Đông giáp mặt đường dài 6,5m). Trong đó: 79,7m² đất ở, 104,6m² đất vườn. Tài sản trên đất gồm 01 nhà 1 tầng mái tôn (ba bức tường), diện tích 76,1m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 15 tại TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định là có căn cứ.

Bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H có trách nhiệm trả cho anh Lương Ngọc U1 số tiền là 79.588.500 đồng (giá trị nhà mái tôn và lán tôn trước nhà). Trong đó : Nhà mái tôn: 75.228.500 đồng, giá trị phần lán tôn trước nhà mái tôn theo tỷ lệ mặt tiền của thửa đất là 4.360.000 đồng (đã làm tròn). Ông Lương Ngọc U có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị N, bà Lương Thị N1 và bà Lương Thị H số tiền chênh lệch kỷ phần là 5.710.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của ông U có đơn xin hủy di chúc của cụ B với lý do cụ B bị ép buộc nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại cấp phúc thẩm ông U cũng không đưa ra căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của ông U về việc xin miễn án phí và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm. HĐXX xét thấy: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông U phải nộp án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông U là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn án phí cho ông U dân sự sơ thẩm. Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông U không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308; 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lương Ngọc U. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Lương Ngọc U.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Ngọc U không phải nộp. Tuyên trả ông U số tiền 300.000 đồng ông U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định theo biên lai số 0002343 ngày 25-9-2023.

3. Các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định về chia di sản thừa kế được giữ nguyên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)**